

Số: 02 /GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 01 tháng 02 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số: 02/CTY.2024 ngày 08/01/2024 Công ty TNHH Thủy sản ADN về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Chi nhánh Xưởng sản xuất Công ty TNHH Thủy sản ADN” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 27/TTr-TNMT ngày 30/01/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Thủy sản ADN dự án “Chi nhánh Xưởng sản xuất Công ty TNHH Thủy sản ADN”, địa chỉ tại thửa đất số 1537 tờ bản đồ số 6, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Chi nhánh Xưởng sản xuất Công ty TNHH Thủy sản ADN” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1 Tên dự án đầu tư: Chi nhánh Xưởng sản xuất Công ty TNHH Thủy sản ADN

1.2 Địa điểm hoạt động: thửa đất số 1537 tờ bản đồ số 6, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, mã số chi nhánh: 2200775008-001 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

1.4 Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất chế phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và thức ăn thủy sản

1.5 Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: tổng diện tích thực hiện 300 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Tổng vốn đầu tư 8 tỷ đồng.

- Công suất:

+ Chế phẩm sinh học: dạng lỏng 10 tấn/năm; dạng khô là 10 tấn/năm.

+ Hóa chất xử lý môi trường: dạng lỏng 10 tấn/năm; dạng khô là 10 tấn/năm.

+ Hỗn hợp khoáng, vitamin: dạng lỏng 10 tấn/năm; dạng khô là 500 tấn/năm.

+ Thức ăn bổ sung: dạng lỏng 10 tấn/năm; dạng khô là 10 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1 Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2 Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3 Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thủy sản ADN có trách nhiệm:

2.1 Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2 Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3 Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4 Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5 Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 01. tháng 02. năm 2024 đến ngày 01. tháng 02. năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành, Ủy ban nhân dân xã An Hiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *TK*

**Nơi nhận:** *TK*

- Công ty TNHH thủy sản ADN.
- Phòng TN&MT;
- UBND xã An Hiệp;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Thg.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

*TK*, **CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Trần Văn Hòa*



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 02/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại ngăn lắng, lọc sẽ thoát vào Kênh Thủy lợi

- Vị trí xả thải: Hệ thống thu gom nước thải của khu vực dự án tại số 1536 Quốc lộ 1A, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Tọa độ vị trí xả thải tại Kênh Thủy lợi: X=1066146; Y=548487.

- Lưu lượng thải lớn nhất: 0,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương 0,033 m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Chất lượng nước thải tại trước khi thoát vào Kênh Thủy lợi phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k = 1,2) cụ thể như sau:

**Bảng 1. Các thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm theo dòng nước thải:**

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	(QCVN 14:2008/BTNMT, cột B; K=1,2)
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	100
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5	Sunfua	mg/l	4
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
9	Phosphat tính theo P	mg/l	10
10	Tổng Coliforms	NPM/100ml	5.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- *Nước thải sinh hoạt:* bố trí các tuyến ống nhựa đặt ngầm, thu gom lượng nước thải sinh hoạt phát sinh về bể tự hoại 3 ngăn.

- *Nước thải vệ sinh thiết bị:* thu gom lượng nước thải phát sinh và xử lý tại ngăn lắng, lọc của dự án

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của dự án được thu gom và xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn có thể tích  $15\text{m}^3$  sau đó sẽ được xử lý tại ngăn lắng, lọc đạt quy chuẩn trước khi thoát vào Kênh Thủy lợi tại số 1536 Quốc lộ 1A, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Công suất thiết kế: Xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn bằng bê tông cốt thép được đặt ngay tại nhà vệ sinh trong văn phòng làm việc với diện tích  $10\text{m}^2$  và thể tích lưu chứa là  $15\text{m}^3$  (kích thước  $2\text{m} \times 5\text{m} \times 1,5\text{m}$ ).

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**2.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**2.2.** Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức BVMT cho cán bộ công nhân viên vận hành tại nhà máy; Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra BVMT.

**2.3.** Lập kế hoạch bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc của dự án; Quản lý, kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải (định kỳ kiểm soát, hạn chế sự cố tắc nghẽn do chất rắn lơ lửng, đảm bảo dòng chảy, hoạt động ổn định của hệ thống) và các công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

**2.4.** Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

## Phụ lục 2

### BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 02/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

##### 2. Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

##### 3. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN2000: X (m) = 1066132; Y (m) = 548470.

##### 4. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

STT	Tên thông số ô nhiễm	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

##### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Trong quá trình vận hành sẽ có các phương tiện giao thông ra vào dự án do đó sẽ phát sinh tiếng ồn nhất định, để giảm thiểu tác động trên cần có một số giải pháp cụ thể sau:

- Chủ dự án thường xuyên bảo trì máy để máy móc, thiết bị luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt, kiểm tra định kỳ thiết bị về độ mòn chi tiết, chế độ hoạt động bảo trì, bôi trơn....

- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý nhằm tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh tường rào nhà máy nhằm hạn chế các tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh.

Tiếng ồn và độ rung từ quá trình vận hành thiết bị trong dự án: các thiết bị, máy móc hiện đại có trang bị nệm chống rung dưới mỗi máy, tiến hành bảo trì các máy móc thiết bị thường xuyên. Đảm bảo tiếng ồn và độ rung đạt tiêu chuẩn, quy

chuẩn môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



### Phụ lục 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 02/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh CTNH chủ yếu của dự án là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất, hộp mực in thải có các thành phần nguy hại... Khối lượng ước tính phát sinh khoảng 23 kg/năm. Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, CTNH phát sinh tại dự án được phân loại như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/khí)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	10	17 02 03
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu thải)	Rắn	10	18 02 01
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng nhựa chứa dầu nhớt)	Rắn	2	18 01 03
4	Mực in có thành phần nguy hại	Rắn	0,5	07 04 01
5	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	Rắn	0,5	16 01 06
Tổng số chất thải nguy hại			23	

##### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Trong quá trình hoạt động của dự án có phát sinh lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường ước tính khoảng 100 kg/tháng. Thành phần và khối lượng như sau: các loại bao bì hư hỏng, bao bì đựng nguyên liệu (bao bì chứa nguyên liệu khoáng N, P, K,...)

### **1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án chủ yếu từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân viên. Do đó, tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh 10 kg/ngày tương đương 0,30 tấn/tháng. Chủ dự án bố trí 04 thùng chứa loại nhỏ thể tích 20 lít xung quanh khu vực dự án sau đó tập trung về thùng rác dung tích lớn loại 120 lít để đơn vị thu gom rác thuận tiện trong quá trình thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng nhựa có thể tích 40 lít/thùng; bảo quản CTNH theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 3 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, tường xây gạch, mái tole...
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án sẽ quản lý và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (kho phế liệu): 20 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, tường xây gạch, mái tole.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chứa loại nhỏ thể tích 20 lít thùng rác dung tích lớn loại 120 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa ngoài trời: Bố trí 04 thùng chứa loại nhỏ thể tích 20 lít xung quanh khu vực dự án sau đó tập trung về thùng rác dung tích lớn loại 120 lít để đơn vị thu gom rác thuận tiện trong quá trình thu gom.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa ngoài trời: Nền xi măng.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ:**

- Lắp đặt hệ thống điện và dây dẫn phù hợp với vị trí thiết bị và công suất của thiết bị.

- Trang bị hộp nước vách tường, máy bơm nước PCCC đúng quy định, lập đội PCCC và đưa nhân viên tham dự các buổi tập huấn về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tổ chức.

- Bố trí kim thu sét cho mái của nhà xưởng, văn phòng để phòng, chống sét đánh.

- Lập nội quy, tiêu lệnh phòng chống cháy nổ và phổ biến cho toàn bộ công nhân viên của dự án.

- Thực hiện các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

### **2. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông:**

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn cho các cán bộ công nhân viên làm việc trong dự án về an toàn giao thông đường bộ.

- Chủ dự án thường xuyên phát hoang cây cối khu vực cổng ra vào của dự án, không để cây cối che tầm nhìn ảnh hưởng đến giao thông đi lại của người dân và công nhân làm việc tại dự án.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc tham gia giao thông để tránh những tai nạn giao thông khi tham gia trên đường.

- Các loại xe vận tải phải thường xuyên kiểm tra, kiểm định tại các cơ quan của nhà nước, tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải.

- Không sử dụng lái xe chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm vận tải.